TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K-tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dự

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị L, sinh năm 1993; ĐKHK: thôn 9, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hiện tạm trú tại: xóm 2B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1981; ĐKHK: thôn 9, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hiện tạm trú tại: xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ 2 không có L do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/6/2023 được bổ sung tại bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày: chị và anh Phạm Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình từ năm 2011 là quê của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D được khoảng một tháng thì ra ở riêng và đi làm ăn tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh D luôn nghi ngờ chị có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác rồi chửi mắng, xúc phạm chị. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên từ đầu năm 2021 đến nay chị từ miền nam về quê tại xã L

làm ăn sinh sống cùng bố mẹ chị, còn anh D cũng từ miền nam trở về và ở cùng mẹ đẻ anh D tại xã T. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng hết sức nặng nề nhưng vì con cái, vợ chồng đã khắc phục bằng việc mua nhà ở xóm 5, xã Y để về ở chung nhằm cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng, nhưng mới chỉ chung sống được khoảng gần một tháng lại tiếp tục mâu thuẫn, anh D tH xuyên xúc phạm chị. Do không thể chịu đựng được nên chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống làm ăn từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì vậy chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con cái: Chị xác định giữa vợ chồng có ba người con chung là Phạm Văn T1, sinh ngày 09/11/2011, Phạm Thanh T, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Thanh H, sinh ngày 09/01/2019. Hiện cháu T và cháu H đang ở với chị, còn cháu T1 đang ở với anh D. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả ba con và yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cho cho chị đối với cháu T1 mỗi tháng 2 triệu đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu T1 thành niên. Trường hợp cháu T1 và cháu T có nguyện vọng ở với anh D thì chị tôn trọng ý kiến của các con và như vậy hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản, chị xác định vợ chồng tự giải quyết với nhau nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn D, đang sống tại xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ L vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao T1 báo thụ L vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, T1 báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh D. Mặc dù anh D đang có mặt tại nhà do vợ chồng mua chung ở xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nhưng anh D bận công việc tH đi làm từ sáng đến tối mới về nhà vì vậy Toà án đã giao các văn bản tố tụng T1 qua ông Nguyễn Đình Nhu là xóm phó xóm 5, xã Y để giao lại cho anh D và anh D mặc dù đã được nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh không hợp tác làm việc, không trình bày bản khai, không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên hoà giải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Phùng Thị L với anh Phạm Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phùng Thị L và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2011 tại UBND xã L là nơi chị L có đăng ký hộ khẩu tH trú trước đây. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển vào làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng và quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo chị L thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh D luôn nghi ngờ chị có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác nên tH xuyên chửi bới xúc phạm chị, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, giúp đỡ và vợ chồng đã chuyển về quê mua nhà tại xã Y để sống chung nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng không được cải thiện; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống, còn anh D mặc dù vẫn đang ở tại địa phương và đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng lại có ý bỏ mặc, không trình bày lời khai, không đến Toà án làm việc vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải cho các bên được. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh D qua UBND xã Y là nơi vợ chồng mới mua nhà để sinh sống và UBND xã L là nơi chị L chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ thì chính quyền các địa phương trên xác nhận vợ chồng chị L, anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2021.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị L và anh D đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã có thời gian dài ly thân, không ai quan tâm đến nhau; mặc dù vợ chồng cũng đã tìm mọi biện pháp nhằm giải quyết mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con cái: Vợ chồng có ba con chung là là Phạm Văn T1, sinh ngày 09/11/2011, Phạm Thanh T, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Thanh H, sinh ngày 09/01/2019. Hiện cháu T và cháu H đang ở với chị L, còn cháu T1 đang ở với anh D. Khi ly hôn chị L xin được nuôi cả ba con và yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cho chị đối với cháu T1, còn anh D không trình bày bản khai nên không có ý kiến cụ thể về vấn đề con cái; Các cháu T1 và T khi được hỏi ý kiến thì cháu T1 xin được ở với bố còn cháu T xin được ở với mẹ. Xét thấy anh D và chị L đều là lao động tự do, thu nhập tương đương nhau và từ đầu năm 2021 đến nay kể từ khi chị L chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân thì cháu T và cháu H do chị L nuôi dưỡng, còn cháu T1 ở cùng bố do anh D chăm sóc, nay cháu T1 có nguyện vọng được ở với bố và cháu T xin ở với mẹ vì vậy để cuộc sống của các cháu được ổn định, cần giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu T và cháu H, để anh D nuôi dưỡng cháu T1 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[3] Về tài sản: chị L xác định vợ chồng tự giải quyết với nhau, còn anh D không có ý kiến gì vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: chị Phùng Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Phùng Thị L với anh Phạm Văn D.

2. Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng là Phạm Thanh T, sinh ngày 18/10/2014 và Phạm Thanh H, sinh ngày 09/01/2019, để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Văn T1, sinh ngày 09/11/2011 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Phùng Thị L phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004954 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị L và anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Mạnh